

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

- Tên dự án: Thi công xây dựng.
- Tên gói thầu: Xây dựng cầu liên xã Lộc Quang - Tân Tiến.
- Địa điểm xây dựng: Xã Lộc Quang, thành phố Đồng Nai.
- Chủ đầu tư: UBND xã Lộc Quang.
- Địa chỉ Chủ đầu tư: Ấp Vẻ Vang, xã Lộc Quang, thành phố Đồng Nai.
- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông; cấp IV.
- Nguồn vốn: Ngân sách xã.
- Nội dung các hạng mục công việc chủ yếu: Thi công xây dựng cầu liên xã Lộc Quang - Tân Tiến gồm kết cấu phần dưới, kết cấu phần trên, kết cấu khác, đường đầu cầu, tổ chức thi công, bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công và kiểm tra chất lượng cọc khoan nhồi theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

2. Thời hạn hoàn thành: 180 ngày kể từ ngày khởi công (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ, Tết và ngày ảnh hưởng thời tiết).

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hạng mục công trình/công trình theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

III.1. Yêu cầu chung:

Các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công công trình tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và đáp ứng các yêu cầu dưới đây:

- E-HSMT phải được xây dựng trên cơ sở tuân thủ yêu cầu và chỉ dẫn trong hồ sơ Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật (Các bản vẽ và phần thuyết minh); phù hợp với phạm vi công việc và các yêu cầu của gói thầu đã được nêu trong E-HSMT và các tài liệu liên quan đến gói thầu.

- Thuyết minh giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phải trình bày rõ được các nội dung sau:

+ Quy trình thực hiện các công việc xây dựng, các hạng mục công việc theo trình tự kỹ thuật theo tính chất từng loại công việc, từng hạng mục công trình;

+ Mô tả được cách thức triển khai để hoàn thành các công việc, các hạng mục đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

+ Trình bày được phương án kỹ thuật áp dụng cho từng loại công việc; từng các hạng mục công trình.

+ Trình bày được phương án huy động nguồn lực bao gồm: vốn lưu động; vật tư, vật liệu; huy động máy móc, thiết bị phục vụ thi công; huy động Cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông; phương án dự phòng về nguồn lực để bảo đảm luôn đáp ứng đủ nguồn lực để hoàn thành các công việc xây dựng đúng tiến độ, đạt chất lượng theo yêu cầu.

+ Phương án bố trí thời gian hợp lý, biện pháp bảo đảm thời gian thực hiện để hoàn thành các công việc xây dựng được thể hiện thông qua bảng tiến độ thi công, biểu đồ huy động nguồn lực và các biện pháp bảo đảm tiến độ công trình.

+ Đề xuất kỹ thuật phải thuyết minh mang tính chỉ dẫn kỹ thuật thi công (Mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc; phương án bố trí thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương V này. Phải mô tả đủ chi tiết để chứng minh tính phù hợp của đề xuất kỹ thuật đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc). Việc mô tả cụ thể, chi tiết để hướng dẫn thi công và làm cơ sở cho công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát của Chủ đầu tư, bảo đảm quá trình thi công đạt chất lượng, tiến độ theo yêu cầu.

- Tiến độ thi công và thuyết minh tiến độ thi công phải đáp ứng yêu cầu tại Mục II Chương V của E-HSMT.

- Thuyết minh quản lý chất lượng thi công của nhà thầu tuân thủ theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các Nghị định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung được hợp nhất tại văn bản số 03/VBHN-BXD ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Bộ Xây dựng.

- Thuyết minh công tác bảo đảm An toàn lao động (ATLĐ); Vệ sinh môi trường (VSMT); Phòng cháy, chữa cháy (PCCC); An toàn giao thông (ATGT), An ninh trật tự (ANTT) tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành quy định theo ngành, lĩnh vực.

III.2. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật cụ thể:

1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công các hạng mục.

- Giải pháp kỹ thuật thi công và biện pháp tổ chức thi công phải được lập căn cứ theo đặc điểm, tính chất của từng hạng mục công việc; bảo đảm rõ ràng, chính xác, chi tiết, hợp lý, khả thi; phù hợp với tiến độ thi công, nguồn lực dự kiến huy động và đáp ứng hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng.

- Nhà thầu phải trình bày tách bạch nhưng thống nhất giữa giải pháp kỹ thuật thi công và biện pháp tổ chức thi công. Giải pháp kỹ thuật thi công tập trung vào quy trình, trình tự, tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật và kiểm soát chất lượng của từng hạng mục công việc; biện pháp tổ chức thi công tập trung vào cách thức huy động, bố trí nhân sự, máy móc, thiết bị, vật tư, mặt bằng, trình tự tổ chức thi công, điều phối công trường, bảo đảm tiến độ, an toàn, vệ sinh môi trường và an toàn giao thông.

1.1. Giải pháp kỹ thuật thi công hạng mục kết cấu phần trên cầu.

- Nhà thầu phải thuyết minh rõ giải pháp kỹ thuật thi công kết cấu phần trên cầu, bao gồm tối thiểu: tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản và lao lắp dầm I18,6m; kiểm tra cao độ, tim trục, gối kê; lắp dựng ván khuôn, cốt thép, đổ bê tông dầm ngang, bản mặt cầu, gờ lan can; thi công lớp phòng nước, lớp dính bám và bê tông nhựa mặt cầu; trình tự nghiệm thu, kiểm tra kích thước hình học, cường độ vật liệu và các yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế.

1.2. Giải pháp kỹ thuật thi công hạng mục kết cấu khác.

- Nhà thầu phải thuyết minh rõ giải pháp kỹ thuật thi công các hạng mục kết cấu khác, bao gồm tối thiểu: gối cầu cao su, khe co giãn rãnh lược, gờ lan can, lan can thép, thoát nước mặt cầu, bản quá độ, lớp phòng nước và các chi tiết thép đặt sẵn; yêu cầu về vật liệu, trình tự lắp đặt, căn chỉnh, liên kết, mạ kẽm/sơn bảo vệ (nếu có), kiểm tra hoàn thiện và nghiệm thu.

1.3. Giải pháp kỹ thuật thi công hạng mục kết cấu phần dưới cầu.

- Nhà thầu phải thuyết minh rõ giải pháp kỹ thuật thi công kết cấu phần dưới cầu, bao gồm tối thiểu: định vị tim trục, cao độ; thi công cọc khoan nhồi D1000; thi công móng cầu, bệ móng, thân móng, tường cánh, mũ móng; đào đất, xử lý nền, bê tông lót, lắp dựng cốt thép, ván khuôn, đổ bê tông, bảo dưỡng bê tông, tháo dỡ ván khuôn, hoàn thiện và nghiệm thu theo thiết kế.

1.4. Giải pháp kỹ thuật thi công hạng mục đường đầu cầu.

- Nhà thầu phải thuyết minh rõ giải pháp kỹ thuật thi công đường đầu cầu, bao gồm tối thiểu: đào đắp nền đường, đầm chặt K95/K98 theo thiết kế, cấp phối đá dăm, đá 4x6 chèn đá dăm, bê tông nhựa BTNC12.5, tấm đan, biển báo tên cầu, tôn lượn sóng, tứ nón

taluy mố, thoát nước và hoàn trả hiện trạng; kiểm soát vật liệu, cao độ, độ dốc, độ chặt và chất lượng từng lớp kết cấu.

1.5. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công cọc khoan nhồi D1000 và lao lắp dầm I18,6m.

- Đối với cọc khoan nhồi D1000: Nhà thầu phải thuyết minh rõ giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công khoan tạo lỗ, sử dụng và kiểm soát dung dịch bentonite, hạ ống vách, kiểm tra đường kính, chiều sâu, độ thẳng đứng hố khoan, vệ sinh đáy hố khoan, gia công - hạ lồng thép, lắp ống siêu âm, đổ bê tông bằng ống tremie, kiểm soát khối lượng và cao độ bê tông, đập đầu cọc, xử lý bùn thải, nhật ký thi công và nghiệm thu cọc khoan nhồi.

- Đối với lao lắp dầm I18,6m: Nhà thầu phải thuyết minh rõ phương án tiếp nhận, vận chuyển, tập kết, nâng hạ, cầu lắp/lao lắp dầm; kiểm tra sức nâng thiết bị, bán kính làm việc, vị trí đặt cầu, ổn định nền đặt cầu, trình tự nâng - xoay - đặt dầm lên gối, biện pháp chống lật, chống va chạm, kiểm tra tim trục, cao độ, khoảng cách dầm, an toàn lao động và an toàn giao thông trong quá trình lao lắp dầm.

1.6. Biện pháp tổ chức thi công tổng thể; kiểm tra chất lượng cọc khoan nhồi và biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông.

- Về tổ chức thi công tổng thể: Nhà thầu phải thuyết minh rõ tổ chức mặt bằng công trường, đường công vụ, khu vực tập kết vật tư, thiết bị, bãi đúc/lắp dựng cấu kiện (nếu có), lán trại, kho bãi, cấp điện, cấp thoát nước tạm, trình tự triển khai các mũi thi công, phương án huy động và điều phối nhân sự, máy móc, thiết bị, vật tư phù hợp với tiến độ thi công.

- Về kiểm tra chất lượng cọc khoan nhồi: Nhà thầu phải thuyết minh rõ kế hoạch kiểm tra, thí nghiệm và nghiệm thu cọc khoan nhồi, bao gồm tối thiểu: kiểm tra dung dịch khoan, kiểm tra đáy hố khoan, kiểm tra lồng thép, ống siêu âm, bê tông cọc, thí nghiệm siêu âm cọc, thí nghiệm PDA, khoan kiểm tra/xử lý đáy cọc theo yêu cầu thiết kế và biện pháp xử lý khi phát hiện khiếm khuyết (nếu có).

- Về bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công: Nhà thầu phải thuyết minh biện pháp tổ chức thi công bảo đảm ATGT gồm phương án bố trí rào chắn, biển báo hiệu, đèn chớp, cọc tiêu, dây phản quang, người cảnh giới hoặc điều tiết giao thông, lối đi tạm (nếu có), phương án bảo đảm giao thông thông suốt và xử lý tình huống mất an toàn giao thông trong quá trình thi công.

2. Yêu cầu về tiến độ thi công.

2.1. Bảng tiến độ thi công và thời gian thi công:

- Yêu cầu nhà thầu lập kế hoạch tiến độ về thời gian từ khi khởi công tới khi hoàn thành hợp đồng theo từng ngày, từng tháng và toàn bộ công trình.

- Nhà thầu cần phải lập tiến độ tổng thể, tiến độ chi tiết thực hiện từng hạng mục công

việc, từng hạng mục công trình theo từng ngày, từng tháng và toàn bộ công trình bảo đảm tính hợp lý, phù hợp với giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công để đảm bảo hoàn thành từng hạng mục công trình và công trình đạt chất lượng và đúng thời gian yêu cầu nêu tại mục II, Chương V của E-HSMT.

2.2. Biểu đồ huy động nhân sự, máy móc thiết bị phục vụ thi công và các giải pháp bảo đảm tiến độ.

- E-HSMT phải thể hiện đầy đủ các biểu đồ tiến độ thi công; huy động nhân lực thi công; biểu đồ huy động, tập kết vật tư, cấu kiện và biểu đồ huy động máy móc, thiết bị thi công đảm bảo phù hợp với tiến độ thi công và nguồn lực của nhà thầu, đáp ứng yêu cầu nêu trong Chương V của E-HSMT.

- Nhà thầu phải có biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công, đảm bảo thiết bị trên công trường hoạt động liên tục.

3. Yêu cầu về các giải pháp, cách thức tổ chức, quản lý, vận hành dự án và vận hành công trường.

3.1. Các giải pháp, cách thức, sơ đồ tổ chức quản lý tổng thể dự án:

- E-HSMT có sơ đồ tổ chức quản lý tổng thể dự án – thuyết minh sơ đồ mô tả công việc, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng vị trí trong sơ đồ. Trong đó mô tả rõ vai trò, nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của từng vị trí trong sơ đồ đảm bảo hoạt động thông suốt của công trình dự án và phù hợp với nguồn lực, quy trình, công nghệ và tiến độ thi công của dự án.

- Sơ đồ phải thuyết minh mô tả các chủ thể liên quan đến dự án, Mọi quan hệ, tính phối hợp giữa các chủ thể; nghĩa vụ, quyền hạn từng chủ thể...(Chủ đầu tư, Tư vấn quản lý dự án của Chủ đầu tư (nếu có); Tư vấn giám sát thi công; Tư vấn thiết kế; Ban điều hành dự án/ Ban chỉ huy công trường của nhà thầu thi công, đơn vị thí nghiệm, kiểm định độc lập (nếu có)).

3.2. Các giải pháp, cách thức tổ chức quản lý vận hành công trường:

- E-HSMT có sơ đồ tổ chức quản lý, vận hành các hạng mục công trình hoặc từng hạng mục công trình; Trong đó có thuyết minh mô tả các nội dung sau:

Hệ thống quản lý thi công xây dựng phải phù hợp với quy mô, tính chất của công trình, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng cá nhân đối với công tác quản lý thi công xây dựng, bao gồm: Chỉ huy trưởng công trường hoặc giám đốc dự án của nhà thầu; các cá nhân phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp và thực hiện công tác quản lý chất lượng, an toàn trong thi công xây dựng, quản lý khối lượng, tiến độ thi công xây dựng, quản lý hồ sơ thi công xây dựng công trình.

Mối quan hệ các bộ phận, tính phối hợp, chức năng, nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm của các bộ phận.

- Mô tả rõ vai trò, nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên trong sơ đồ tổ chức bảo đảm tính phối hợp, hoạt động thông suốt của công trình dự án và phối hợp với nguồn lực, quy trình, công nghệ và tiến độ thi công của dự án.

4. Các biện pháp bảo đảm chất lượng.

4.1. Mức độ đáp ứng yêu cầu về vật liệu, thiết bị đầu vào.

- Nhà thầu lập bảng kê vật tư, thiết bị, cấu kiện chế tạo chủ yếu sử dụng cho công trình đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Tất cả hàng hóa và vật tư đưa vào sử dụng trong công trình đều mới, chưa từng qua sử dụng, thuộc thế hệ mới nhất, đã đưa vào tất cả các cải tiến về thiết kế và vật liệu trừ khi được quy định khác trong hợp đồng.

+ Nhà thầu phải sử dụng các loại vật tư, vật liệu đưa vào thi công công trình phải có nguồn gốc xuất xứ hợp pháp; nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động về số lượng, chất lượng, tiến độ cung cấp. Thuyết minh kèm theo các tài liệu làm minh chứng: Hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật tư hoặc tài liệu khác tương đương để chứng minh khả năng cung cấp.

+ Nhà thầu phải lập bảng kê từng loại cụ thể vật tư, vật liệu, thiết bị dự thầu dưới đây, phải ghi rõ: Quy cách, chất lượng; Tên/nhãn hiệu; nơi sản xuất/ xuất xứ; Tiêu chuẩn kỹ thuật (TCVN, QCVN) áp dụng đối với từng loại vật tư. Xác định và ghi rõ tên, nhãn hiệu, thông số kỹ thuật của vật liệu, thiết bị dự thầu, không dự thầu một loại vật liệu mà ghi nhiều tên, nhiều loại thương hiệu, nhãn hiệu. Không được ghi cụm từ “Hoặc tương đương” phía sau tên vật tư. HSDT không tuân thủ hoặc không ghi đầy đủ đáp ứng các yêu cầu trên thì HSDT đó được xem là không đạt về mặt kỹ thuật và sẽ bị loại.

- Nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu nêu trên được xem là không đáp ứng yêu cầu về biện pháp bảo đảm chất lượng của vật liệu, thiết bị, cấu kiện sử dụng cho công trình và đánh giá là không đáp ứng theo yêu cầu tại Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT.

BẢNG CHỨNG LOẠI VẬT TƯ CHỦ YẾU SỬ DỤNG CHO GÓI THẦU

STT	Tên vật tư, thiết bị, cấu kiện chủ yếu	Quy cách, chất lượng	Nhãn hiệu, nơi sản xuất	Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng
		Nhà thầu nhập thông tin	Nhà thầu nhập thông tin	Nhà thầu nhập thông tin
1	Cát xây dựng			

2	Đá xây dựng các loại (1x2; 2x4; 4x6); cấp phối đá dăm			
3	Xi măng PCB 40, PCB 30			
4	Thép xây dựng các loại			
5	Bê tông thương phẩm			
6	Dầm cầu BTCT dự ứng lực I18,6m			
7	Cáp/thép dự ứng lực, neo, ống gen			
8	Dung dịch bentonite/phụ gia khoan cọc khoan nhồi			
9	Ống siêu âm, ống vách thép cọc khoan nhồi			
10	Gối cầu cao su cốt bản thép			
11	Khe co giãn thép bản răng lược mặt cầu			
12	Thép tấm, thép hình các loại			
13	Bê tông nhựa BTN C12.5, nhựa đường			
<p>Ghi chú:</p> <p>1. Thông số kỹ thuật của vật tư, thiết bị, cấu kiện phải đáp ứng hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng.</p> <p>2. Chỉ được dự thầu một nhãn hiệu vật tư cụ thể cho từng loại vật tư, thiết bị, cấu kiện; không dự thầu nhiều nhãn hiệu của cùng một loại và không ghi cụm từ “hoặc tương đương”. Nếu vi phạm thì E-HSDT được đánh giá không đáp ứng về kỹ thuật.</p>				

4.2. Yêu cầu về các biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên vật liệu, thiết bị cấu kiện đầu vào sử dụng thi công công trình.

- Thuyết minh mô tả quy trình, cách thức kiểm tra, kiểm soát chất lượng đầu vào vật liệu, thiết bị, cấu kiện chế tạo sẵn (nếu có) của từng nhóm loại vật liệu, cấu kiện chế tạo sẵn tuân thủ và đáp ứng yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các quy định hiện hành. Bao gồm: Công tác thí nghiệm vật liệu; công tác nghiệm thu vật liệu, cấu kiện; công tác tập kết xử lý kỹ thuật trước khi đưa vào công trình; công tác xử lý, hiệu chỉnh trước khi đưa vào thi công; công tác gia công chế tạo tại xưởng, công tác gia công mạ kẽm nhúng nóng (Nếu có); công tác kiểm tra và lưu trữ hồ sơ tiêu chuẩn chất lượng của từng loại vật tư, cấu kiện. Nêu rõ trách nhiệm của nhà thầu cung cấp vật liệu xây dựng (đã là hàng hóa trên thị trường) và trách nhiệm của nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng theo yêu cầu riêng của thiết kế.

4.3. Các biện pháp bảo đảm chất lượng thi công các hạng mục công tác thi công

- Thuyết minh phương án tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình, quản lý công trường xây dựng theo quy định chi tiết theo

từng hạng mục công trình phù hợp với quy mô tính chất của gói thầu.

- Thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng phải tuyệt đối tuân thủ TCVN và QCVN áp dụng thi công và nghiệm thu công trình nhà thầu đã lựa chọn.

- Thuyết minh Quy trình đảm bảo chất lượng của từng công tác theo từng hạng mục công trình đáp ứng các yêu cầu về quản lý chất lượng công trình theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng công trình xây dựng và văn bản pháp luật xây dựng hiện hành, cụ thể:

+ Lập và trình bày dự thảo đề cương “Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu các yếu tố đầu vào, vật tư, máy móc, thiết bị, nhân sự, phòng thí nghiệm (điều kiện khởi công), nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng” theo đúng trình tự, quy trình các bước kỹ thuật thi công;

+ Lập và trình bày bản dự thảo đề cương về Kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật.

4.4. Các phương án bố trí nhân sự đủ số lượng, năng lực, kinh nghiệm phụ trách thi công để đảm bảo chất lượng thi công công trình.

- Trình bày phương án, kế hoạch và tiến độ huy động, bố trí nhân sự: Cán bộ kỹ thuật thi công; giám sát kiểm soát chất lượng thi công; an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo đảm an ninh trật tự.... công nhân kỹ thuật có trình độ chuyên môn phù hợp, bậc thợ từ tối thiểu 3/7 trở lên phù hợp các lĩnh vực chuyên ngành.

- Kế hoạch nhân sự bảo đảm phù hợp với giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công và phù hợp với tiến độ thi công.

5. Yêu cầu về Bảo đảm vệ sinh môi trường; An toàn phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, An toàn giao thông, An ninh trật tự.

5.1. Các biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường:

- E-HSDT phải thuyết minh biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường trên công trường, kho bãi, lán trại, khu vực thi công, khu vực tập kết vật liệu và trên các tuyến vận chuyển vật liệu, phế thải.

- Có phương án thu gom, phân loại, tập kết và vận chuyển rác thải, phế thải xây dựng đến vị trí hợp pháp; biện pháp che chắn, tưới nước hạn chế bụi, kiểm soát tiếng ồn, bùn đất, nước thải, chất thải sinh hoạt và không để vật liệu rơi vãi gây ô nhiễm môi trường hoặc mất an toàn giao thông.

- Có biện pháp quản lý kho bãi, vật liệu dạng lỏng, vật liệu dễ gây ô nhiễm; bảo đảm không ảnh hưởng đến khu dân cư, dòng chảy, công trình hiện hữu và khu vực xung quanh công trình.

5.2. Các biện pháp bảo đảm PCCC; ATLD - VSLĐ; ATGT; ANTT:

- Nhà thầu phải thuyết minh biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động cho người lao động trên công trường; trang bị bảo hộ lao động, huấn luyện an toàn, kiểm soát khu vực nguy hiểm, làm việc trên cao, làm việc gần thiết bị nâng, máy thi công và công tác lao lắp dầm.

- Nhà thầu phải thuyết minh biện pháp phòng cháy, chữa cháy đối với kho bãi, lán trại, khu vực tập kết vật tư, máy móc, thiết bị thi công; bố trí thiết bị PCCC, nội quy PCCC và người phụ trách an toàn theo quy định.

- Nhà thầu phải thuyết minh biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, an ninh trật tự trên công trường và trên tuyến vận chuyển; phối hợp với Chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chính quyền địa phương/cơ quan chức năng khi tổ chức phân luồng, điều tiết giao thông, bố trí rào chắn, biển báo, đèn cảnh báo, người cảnh giới trong suốt quá trình thi công.

- Lập và trình bày dự thảo kế hoạch tổng hợp về an toàn theo quy định pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và an toàn vệ sinh lao động; trong đó nêu rõ biện pháp an toàn đối với các công việc có nguy cơ mất an toàn cao.

6. Mức độ đáp ứng yêu cầu về bảo hành, bảo trì.

- Thời gian bảo hành công trình tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa công trình vào sử dụng; đối với thiết bị, cấu kiện hoặc vật tư có chính sách bảo hành của nhà sản xuất thì thời gian bảo hành theo chính sách của nhà sản xuất nhưng không thấp hơn 12 tháng.

- E-HSĐT phải nêu rõ quy trình thực hiện bảo hành từ khâu tiếp nhận thông tin hư hỏng, khiếm khuyết; kiểm tra, đánh giá nguyên nhân; đề xuất biện pháp xử lý; tổ chức sửa chữa, khắc phục; nghiệm thu kết quả bảo hành và kết thúc bảo hành theo yêu cầu của Chủ đầu tư trong thời gian bảo hành công trình.

7. Yêu cầu về Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu.

7.1. Mức độ uy tín của nhà thầu thông qua thời gian thực hiện hợp đồng và kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

Có bảng cam kết (ký tên, đóng dấu) về việc trong quá trình thực hiện các hợp đồng trước đây đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không bị chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu; không bị xử lý vi phạm nghiêm trọng về tiến độ, chất lượng, nghĩa vụ bảo hành; không bị đăng tải thông tin vi phạm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định.

Nếu nhà thầu cam kết không trung thực mà tổ chuyên gia phát hiện (có đủ bằng chứng để chứng minh) là nhà thầu không cam kết trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá không đạt.

7.2. Nhà thầu không có hành vi gian lận trong đấu thầu quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

Có bảng cam kết (ký tên, đóng dấu) nội dung trong thời hạn 3 năm gần đây (2023, 2024, 2025) Nhà thầu không có hành vi gian lận trong đấu thầu quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

Nếu nhà thầu cam kết không trung thực mà tổ chuyên gia phát hiện (có đủ bằng chứng để chứng minh) là nhà thầu không cam kết trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá không đạt.

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: (Tập thiết kế bản vẽ thi công và thuyết minh Báo Cáo Kinh tế kỹ thuật đính kèm)

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1			
2			
...			